

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 05/8/ 2019

*V/v tranh chấp “Xin ly hôn và
nuôi con”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM - TỈNH KONTUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chế Thị Mai

2. Ông Trương Quang Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Rô Lan Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 05/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 229/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019, về việc tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐST- HNGĐ ngày 24/6/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị N, sinh năm 1989; Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Cảnh N, sinh năm 1987; Vắng mặt

Cùng địa chỉ: xã Ia Chim, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ngày 13/5/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Cảnh N tự nguyện kết hôn và đăng ký ngày

07/3/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Ia Chim, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Sau thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là vì anh N thường xuyên nhậu nhẹt, bài bạc, chơi số đề, nợ nần dẫn đến phải bán đất rẫy để trả nợ, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã. Chị N đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh N vẫn không thay đổi, gây ảnh hưởng đến kinh tế gia đình và cuộc sống vợ chồng. Chị N và anh N đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay. Chị N và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Kim Th, sinh ngày 27/10/2012. Ngày 13/5/2019, anh Nguyễn Cảnh N và chị Lê Thị N gửi đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con. Trong quá trình hòa giải, anh N có đơn xin rút yêu cầu giải quyết việc dân sự, chị N cho rằng tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên vẫn tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh N, chị N có nguyện vọng được nuôi con Nguyễn Lê Kim Th và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng); Về tài sản chung, nợ chung : Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong đơn ngày 13/5/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Cảnh N trình bày:

Anh Nguyễn Cảnh N công nhận vợ chồng kết hôn ngày 07/3/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Ia Chim, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum và đã có một con chung là Nguyễn Lê Kim Th, sinh ngày 27/10/2012. Ngày 13/5/2019, anh N và chị N gửi đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con như chị N trình bày, trong quá trình hòa giải anh N cho rằng anh đã sai, lục đục trong chuyện tình cảm vợ chồng, cãi vã nhau trong cuộc sống, không hạnh phúc nhưng anh N mong muốn vợ chồng đoàn tụ để con cái có cha có mẹ nên không đồng ý ly hôn với chị Lê Thị N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; riêng bị đơn anh Nguyễn Cảnh N đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ của bị đơn nên được xem như từ bỏ quyền bảo vệ, quyền lợi của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung, chị N và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị yêu cầu xin

ly hôn lý do anh N thường xuyên cờ bạc dẫn đến nợ nần, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn dẫn đến ly thân. Điều này cho thấy giữa chị N và anh N đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX xử cho anh N, chị N được ly hôn.

Đối với yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của chị N; Áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; xét thấy, cháu Th là con gái và đang sống ổn định với mẹ nên giao cháu Th cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và buộc anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp.

Án phí: Chị Lê Thị N phải chịu án phí ly hôn, anh Nguyễn Cảnh N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Cảnh N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con nhưng trong quá trình giải quyết anh Nguyễn Cảnh N rút yêu cầu giải quyết việc dân sự, chị Lê Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, nuôi con nên Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ việc xét đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự số 114/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04/6/2019. Vì vậy, xác định đây là vụ án.

Bị đơn anh Nguyễn Cảnh N có nơi cư trú tại thôn Tân An, xã Ia Chim, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Cảnh N nhưng anh N vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn được quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Cảnh N đăng ký kết hôn ngày 07/3/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Ia Chim, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Cảnh N đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm điều kiện kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị N và anh Nguyễn Cảnh N là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, lời khai của chị Lê Thị N, lời khai của anh Nguyễn Cảnh N, cung cấp của đại diện chính quyền địa phương nơi vợ chồng cư trú, có đủ cơ sở để xác định vợ chồng anh N, chị Nchung sống thường xảy ra mâu thuẫn do nhiều nguyên nhân, mà chủ yếu là do anh N có ham chơi cờ bạc, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2019 cho đến nay, không còn ai quan tâm đến ai. Thực tế chị Nđã đưa đơn ly hôn một lần nhưng rút đơn và đưa đơn lần này anh N cùng chị Nthỏa thuận thuận tình ly hôn, đều đó thể hiện quan điểm về việc nhất trí ly hôn. Quá trình giải quyết anh N thay đổi ý kiến và bỏ mặc việc xin ly hôn của chị Ngân, không đến Tòa hòa giải đoàn tụ, chứng tỏ không muốn níu kéo tình cảm vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị N là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Anh Nguyễn Cảnh N và chị Lê Thị N có 01 con chung là Nguyễn Lê Kim Th, sinh ngày 27/10/2012. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Xét thấy, cháu Th là con gái, hiện cháu đang còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng từ người mẹ. Kể từ khi anh N, chị Nsống ly thân, cháu Thảo đang sống ổn định với chị N và anh N vắng mặt nơi cư trú. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con của chị Ngân. Giao con Nguyễn Lê Kim Th cho chị Lê Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung, là nghĩa vụ chung của bố, mẹ. nên buộc anh N phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị N anh N mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của chị Lê Thị N.

Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Lê Thị N với anh Nguyễn Cảnh N.

Về nuôi con chung:

Giao con Nguyễn Lê Kim Th, sinh ngày 27/10/2012 cho chị Lê Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Cảnh N cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Lê Kim Th, sinh ngày 27/10/2012 mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị.

Anh Nguyễn Cảnh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày chị Lê Thị N có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng mà anh Nguyễn Cảnh N chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001229 ngày 13/5/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Kon Tum.

Anh Nguyễn Cảnh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015,

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/8/2019). Bị đơn có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tp Kon Tum;
- Chi cục THADS tp Kon Tum;
- UBND xã Ia Chim;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đã Ký
Phạm Thị Phúy**